

Bản án số: 297/2024/HC-PT

Ngày 22/5/2024

V/v “Khiếu kiện Quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Các Thẩm phán: Ông Bùi Xuân Trọng;

Ông Phạm Đình Khánh.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại H20 tham gia phiên tòa:
Ông Lê Song Lê, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 108/2024/TLPT-HC ngày 06 tháng 3 năm 2024 về việc “Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2023/HC-ST ngày 17 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố H20.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 4828/2024/QĐ-PT ngày 07 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

* **Người khởi kiện:** Bà Hồ Thị M, địa chỉ: số H, tổ A, phường Y, quận H15, thành phố H20.

* **Người bị kiện:**

- Ủy ban nhân dân quận H15;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận H15;

Đại diện theo ủy quyền của UBND quận H15 và Chủ tịch UBND quận H15: Ông Bùi Xuân H – Phó chủ tịch (Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

- Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Anh T – Phó Giám đốc.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Ủy ban nhân dân phường Y, quận H15;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Bá T1 - Chủ tịch.

- Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng quận H15, địa chỉ: số A đường L, phường H, quận H15, thành phố H20;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phùng Chí T2 – Giám đốc.

- Hợp tác xã D, địa chỉ: tổ C, khu D, phường Y, quận H15, thành phố H20;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Như S, chức danh: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Hợp tác xã D.

- Văn phòng Đ chi nhánh quận H15;

- Ngân hàng TMCP Á, địa chỉ trụ sở: số D N, phường E, quận C, thành phố Hồ Chí Minh;

- Văn phòng C2, địa chỉ: số B phố L, thị trấn V, huyện Ú, thành phố H20;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Hoàng L, Trưởng văn phòng (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Ông Nguyễn Văn T3 (tức Nguyễn Văn C), chị Nguyễn Thị H1 và anh Nguyễn Tiến T4, cùng địa chỉ: số H, tổ A, phường Y, quận H15, thành phố H20;

- Ông Đặng Mạnh H2 và bà Vũ Thị H3, cùng địa chỉ: CH I, T, nhà 25T1, lô đất N05 KĐT Đ, đường T, phường T, quận C, thành phố H20;

- Ông Lê Đình T5 và bà Nguyễn Thị B, cùng địa chỉ: tổ B D, phường Y, quận H15, thành phố H20;

- Ông Lê Hữu C1 và bà Nguyễn Thị L1, cùng địa chỉ: tổ dân phố số D, phường Y, quận H15, thành phố H20.

Tại phiên tòa, có mặt bà Hồ Thị M và anh Nguyễn Tiến T4, còn các đương sự khác đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại Tòa án, người khởi kiện trình bày:*

Bà Hồ Thị M được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02/6/1998 với tổng diện tích 1.855m² đất nông nghiệp tại thôn D, xã Y, huyện H, tỉnh H21 (nay là phường Y, quận H15, thành phố H20) trong đó có thửa 410 xứ đồng Dệt 10% diện tích 75m².

Ngày 18/12/2008, Chủ tịch UBND thành phố H20 (nay là quận H15) ban

hành Quyết định 2414/QĐ-UBND thu hồi 75m² đất nông nghiệp của hộ ông Nguyễn Văn C (Mười) tại thửa 249.2 tờ bản đồ 6 (trích đo bản đồ địa chính thu hồi đất) thuộc xứ đồng % thôn D, xã Y để tạm giao Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố H thực hiện bồi thường, hỗ trợ GPMB, lập dự án *Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật để giao đất cho các hộ dân bị thu hồi đất nông nghiệp* theo quy định của Nghị định 17/2006/NĐ-CP ngày 27/01/2006 và Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ. Ngày 05/9/2009, UBND quận H15 có Quyết định 5781/QĐ-UBND sửa đổi bổ sung hình thức văn bản tại Quyết định 2414/QĐ-UBND ngày 18/12/2008 của Chủ tịch UBND thành phố H20 với nội dung Chủ tịch UBND thay bằng UBND; ký thay Chủ tịch nay bổ sung Thay mặt UBND.

Ngày 20/3/2009, UBND thành phố H20 (nay là quận H15) ban hành Quyết định 2051/QĐ-UBND phê duyệt dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ kèm Bảng tổng hợp phương án bồi thường, hỗ trợ trong đó hộ ông Nguyễn Văn C (Mười) được bồi thường 20.220.000đ gồm: Bồi thường về đất 15.120.000đ với giá 201.600đ/m²; hỗ trợ 2.625.000đ ổn định sản xuất với giá 35.000đ/m²; hỗ trợ chuyển đổi nghề 2.250.000đ với giá 30.000đ/m²; bàn giao mặt bằng đúng quy định 225.000đ với giá 3.000đ/m².

Ngày 24/10/2009, Chủ tịch UBND quận H15 ban hành Quyết định 6791/QĐ-UBND áp dụng biện pháp cưỡng chế thực hiện Quyết định 2414/QĐ-UBND ngày 18/12/2008. Ngày 31/12/2009, quyết định này đã được thi hành.

Sau này, diện tích đất thu hồi của hộ gia đình bà M đã được UBND quận H15 giao đất làm mặt bằng sản xuất kinh doanh dịch vụ phi nông nghiệp cho ông Lê Đình T5 tại Quyết định 1196/QĐ-UBND ngày 05/02/2013 và ông Lê Hữu C1 tại Quyết định 9130/QĐ-UBND ngày 22/11/2013. UBND quận H15 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC239321 ngày 12/10/2015 đối với thửa đất NO-14-LK549 diện tích 50m² tờ bản đồ 00 Khu A - Khu đất dịch vụ D cho ông Lê Hữu C1, bà Nguyễn Thị L1 và số CB781142 ngày 30/11/2015 đối với thửa đất NO-14-LK550 diện tích 50m² tờ bản đồ 00 Khu A – Khu đất dịch vụ D cho ông Lê Đình T5, bà Nguyễn Thị B.

Cuối năm 2015, ông Đặng Mạnh H2 – người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Hữu C1, bà Nguyễn Thị L1 và ông Lê Đình T5, bà Nguyễn Thị B chuyển nhượng 02 thửa đất nêu trên cho bà Vũ Thị H3 (vợ ông Đặng Mạnh H2) theo các Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng được công chứng ngày 21/10/2015 và ngày 04/12/2015 tại Văn phòng C3 Sau đó, bà Vũ Thu H4 lập Văn bản thỏa thuận nhập tài sản riêng thành tài sản chung của vợ chồng ông Đặng Mạnh H2, bà Vũ Thu H4 đối với 02 thửa đất nêu trên tại Văn phòng C2; Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H cấp lại cho ông Đặng Mạnh H2, bà Vũ Thị H3 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB781441 ngày 25/12/2015 và số CD759151 ngày 23/02/2016 đối với 02 thửa đất nêu trên.

Thực hiện Thông báo 459/TB-UBND ngày 11/5/2018 của UBND quận H15 về kết quả tiếp công dân trong đó nội dung: Giao UBND phường Y có văn bản trả lời bà M liên quan đến việc xây dựng trên thửa đất của gia đình bà. Ngày 16/5/2018, UBND phường Y có Văn bản 127/UBND-ĐCXĐ trả lời đơn của bà M với nội dung: UBND quận H15 đã cấp giấy phép xây dựng cho ông H2, bà H3; cho nên việc bà M đề nghị tháo dỡ công trình trên đất nông nghiệp trước đây của bà M là không có cơ sở để giải quyết.

Ngày 02/6/2018, bà M có đơn khiếu nại UBND quận H15 về hành vi không giải thích quyền và lợi ích của dân trong việc thu hồi, bồi thường hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất. Ngày 06/7/2018, UBND quận H15 có Văn bản 1703/UBND-PTQĐ thông báo kết quả giải quyết đơn của bà M với nội dung: Hộ gia đình ông Nguyễn Văn C (vợ là bà Hồ Thị M) không chấp hành các quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án nên UBND quận H15 đã phải áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi đất vào ngày 31/12/2009. Trong quá trình thực hiện dự án, bà M kiến nghị xem xét, bồi thường hỗ trợ 200m² đất nông nghiệp trong đó có 75m² đã được cấp giấy chứng nhận, 125m² tự khai hoang. UBND phường Y đã có nhiều văn bản trả lời đơn của bà M khẳng định việc bà M kiến nghị đòi bồi thường, hỗ trợ 200m² đất nông nghiệp là không có cơ sở; đề nghị bà M chấp hành nhận tiền bồi thường hỗ trợ, làm hồ sơ xét giao đất dịch vụ đối với diện tích 75m² được giao trước đây.

Ngày 16/7/2018, bà Hồ Thị M có đơn khiếu nại nội dung trả lời của UBND quận H15. Ngày 18/6/2019, Chủ tịch UBND quận H15 ban hành Quyết định 2603/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần đầu đã quyết định: Việc bà M cho rằng diện tích đất nông nghiệp của gia đình bà tại khu Đ là 200m²; tuy nhiên khi Nhà nước thu hồi đất, gia đình bà chỉ được bồi thường 75m² là không có cơ sở. Việc bà M cho rằng khi Nhà nước thu hồi đất và lập phương án bồi thường hỗ trợ, thực hiện cưỡng chế thu hồi đất không đảm bảo đúng trình tự quy định pháp luật là không đúng. Việc bà M cho rằng UBND quận H15 ban hành Văn bản 1703/UBND-PTQĐ ngày 06/7/2018 về việc thông báo kết quả giải quyết đơn của bà M chưa thỏa đáng và chưa đúng với nội dung đơn là không đúng.

Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại nêu trên, bà Hồ Thị M khởi kiện vụ án hành chính.

Theo Đơn khởi kiện ngày 08/8/2019 được sửa đổi, bổ sung ngày 04/10/2019, ngày 12/11/2021, ngày 16/5/2022 và ngày 26/9/2022 yêu cầu khởi kiện, thay đổi, bổ sung và rút một phần của bà Hồ Thị M như sau:

1. Hủy Quyết định 2414/QĐ-UBND ngày 18/12/2008 của UBND thành phố H20 về việc thu hồi đất;
2. Phần dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ của hộ ông Nguyễn Văn C (Mười) trong Quyết định 2051/QĐ-UBND ngày 20/3/2009 của UBND thành

phố H20 phê duyệt dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB;

3. Hủy Quyết định 6791/QĐ-UBND ngày 24/10/2009 của UBND quận H15 áp dụng biện pháp cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất.

4. Hủy 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC239321 ngày 12/10/2015 và số CB781142 ngày 30/11/2015 do UBND quận H15 cấp cho ông Lê Hữu C1, bà Nguyễn Thị L1 và ông Lê Đình T5, bà Nguyễn Thị B;

5. Hủy 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB781441 ngày 25/12/2015 và số CD759151 ngày 23/02/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H cấp cho ông Đặng Mạnh H2, bà Vũ Thị H3.

6. Hủy Văn bản 1703/UBND-PTQĐ ngày 06/7/2018 của UBND quận H15 thông báo kết quả giải quyết đơn của bà Hồ Thị M.

7. Hủy 02 Giấy phép xây dựng số 2969/GPXD ngày 29/10/2018 và số 3000/GPXD ngày 02/11/2018 do UBND quận H15 cấp cho ông Đặng Mạnh H2, bà Vũ Thu H4;

8. Hủy Quyết định 2603/QĐ-UBND ngày 18/6/2019 của Chủ tịch UBND quận H15 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu;

9. Buộc UBND quận H15 phải bồi thường về việc phá dỡ 02 căn nhà cấp 4, vườn cây ăn quả và tiền sử dụng đất của gia đình từ năm 2009 đến nay, tổng là 1.068.000.000đ.

10. Rút yêu cầu hủy Quyết định 5781/QĐ-UBND ngày 05/10/2009 của UBND quận H15 về việc sửa đổi, bổ sung hình thức văn bản tại Quyết định 2414/QĐ-UBND ngày 18/12/2008 của UBND thành phố H20.

Bà M cho rằng, năm 1992 gia đình bà được giao 75m² đất nông nghiệp tại xứ đồng D20 và đã được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng do vị trí 75m² đất nông nghiệp nêu trên là hồ sâu nên gia đình bà được bù trừ và sử dụng với diện tích thực tế khoảng 200m². Tuy nhiên, khi Nhà nước thu hồi đất chỉ bồi thường 75m² là không đúng. Khi Nhà nước thu hồi đất diện tích đất trên không thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định vì không có thông báo thu hồi đất, không có quyết định thu hồi đất, không có biên bản khảo sát, đo đạc, kiểm đếm và việc lập phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư, thực hiện cưỡng chế thu hồi đất không đảm bảo đúng trình tự quy định pháp luật. Việc UBND quận H15 ban hành Văn bản số 1703/UBND-PTQĐ ngày 06/7/2018 về việc thông báo kết quả giải quyết đơn của bà Hồ Thị M là chưa thỏa đáng và đúng với nội dung đơn.

* *Quan điểm của Chủ tịch UBND quận H15:* Việc UBND thành phố H20 ban hành Quyết định 2414/QĐ-UBND ngày 18/12/2008 (được sửa đổi, bổ sung hình thức văn bản tại Quyết định 5781/QĐ-UBND ngày 05/10/2009 của UBND quận H15) về việc thu hồi đất nông nghiệp của hộ ông Nguyễn Văn C (Mười) và Quyết định 2051/QĐ-UBND ngày 20/3/2009 về việc phê duyệt dự toán kinh phí

bồi thường, hỗ trợ của hộ ông Nguyễn Văn C (Mười) đã thực hiện theo đúng trình tự thủ tục quy định. Do đó, việc bà Hồ Thị M yêu cầu hủy Quyết định 2414/QĐ-UBND và Quyết định 2051/QĐ-UBND là không có cơ sở.

Việc UBND quận H15 giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại khu A đối với thửa đất số NO14-LK550 cho ông Lê Hữu C1 và thửa đất số NO14-LK549 cho ông Lê Đình T5 là đúng thẩm quyền, đúng quy định. Sau khi được giao đất, cấp giấy CNQSD đất, ông Lê Hữu C1 và ông Lê Đình T5 đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người khác, việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất do Chi nhánh Văn phòng Đ quận H15, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H giải quyết theo thẩm quyền. Thủ tục đăng ký biến động đất đai đối với các thửa đất nêu trên được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội quận Đ xác định đã thực hiện theo trình tự quy định của pháp luật. Do đó, việc bà Hồ Thị M yêu cầu hủy các Giấy CNQSD đất đã cấp đối với thửa đất NO14-LK549 và NO14-LK550 tại khu A, D, phường Y, quận H15 là không có cơ sở.

* *Ngân hàng thương mại cổ phần Á* nhận thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số NO-14-LK549 và NO-14-LK550, tờ bản đồ số 00, địa chỉ: khu A, Khu đất dịch vụ D, phường Y, quận H15, thành phố H20 theo Giấy chứng nhận số CB 781441 và CD 759151 thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Đặng Mạnh H2 và bà Vũ Thu H4 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HAN.BĐCN.104.260421 ngày 27/04/2021 để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ của ông Đặng Mạnh H2 và bà Vũ Thu H4 với A. Đến ngày 10/10/2022, Hợp đồng thế chấp nêu trên đã được thanh lý và A đã giải chấp tài sản thế chấp nêu trên theo quy định. Như vậy, đối tượng tranh chấp của vụ án không còn liên quan đến quyền, nghĩa vụ của A nên A kính đề nghị Quý Tòa giải quyết vắng mặt A theo đúng quy định.

* Ông Đặng Mạnh H2, bà Vũ Thu H4 có quan điểm làm thủ tục nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông C1, ông T5 đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi Ngân hàng A giải chấp tài sản thế chấp, đến nay ông bà chưa làm thủ tục xóa đăng ký thế chấp.

* Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H, Văn phòng Đ chi nhánh quận H15, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng quận H15, UBND phường Y, không có văn bản trình bày quan điểm, ý kiến.

Hợp tác xã D, Văn phòng C2, ông Lê Đình T5, bà Nguyễn Thị B, ông Lê Hữu C1, bà Nguyễn Thị L1 từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án, không có văn bản ý kiến.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2023/HC-ST ngày 17 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố H20 đã căn cứ vào: điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính 2015; Luật Đất đai năm 2003; Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015; Luật Khiếu nại năm 1998 và năm 2011; Nghị định

197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 và Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ; Quyết định số 80/2014/QĐ-UBND ngày 14/11/2014 của UBND thành phố H20; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.
Xử:

- Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị M đối với các quyết định hành chính, quyết định giải quyết khiếu nại và bồi thường thiệt hại sau đây:

1. Quyết định 2414/QĐ-UBND ngày 18/12/2008 của UBND thành phố H20, tỉnh H21 (nay là quận H15, thành phố H20) về việc thu hồi 75m² đất nông nghiệp của hộ ông Nguyễn Văn C (Mười), xã Y, thành phố H; tạm giao Ban QLDA đầu tư xây dựng thành phố H thực hiện bồi thường, hỗ trợ GPMB, lập dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật để giao đất cho các hộ dân bị thu hồi đất nông nghiệp theo quy định của Nghị định 17/2006/NĐ-CP ngày 27/01/2006 và Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ thuộc thôn D, xã Y, thành phố H (Khu A);

2. Phần dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ của hộ ông Nguyễn Văn C (Mười) trong Quyết định 2051/QĐ-UBND ngày 20/3/2009 của UBND thành phố H20, tỉnh H21 (nay là quận H15, thành phố H20) phê duyệt dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB Dự án Khu đất dịch vụ thuộc thôn D, xã Y;

3. Quyết định 6791/QĐ-UBND ngày 24/10/2009 của UBND quận H15 áp dụng biện pháp cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất.

4. 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC239321 ngày 12/10/2015 và số CB781142 ngày 30/11/2015 do UBND quận H15 cấp cho ông Lê Hữu C1, bà Nguyễn Thị L1 và ông Lê Đình T5, bà Nguyễn Thị B;

5. 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB781441 ngày 25/12/2015 và số CD759151 ngày 23/02/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H cấp cho ông Đặng Mạnh H2, bà Vũ Thị H3.

6. Văn bản 1703/UBND-PTQĐ ngày 06/7/2018 của UBND quận H15 thông báo kết quả giải quyết đơn của bà Hồ Thị M.

7. 02 Giấy phép xây dựng số 2969/GPXD ngày 29/10/2018 và số 3000/GPXD ngày 02/11/2018 do UBND quận H15 cấp cho ông Đặng Mạnh H2, bà Vũ Thu H4;

8. Quyết định 2603/QĐ-UBND ngày 18/6/2019 của Chủ tịch UBND quận H15 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu;

9. Yêu cầu UBND quận H15 phải bồi thường về việc phá dỡ 02 căn nhà cấp 4, vườn cây ăn quả và tiền sử dụng đất của gia đình từ năm 2009 đến nay, tổng là 1.068.000.000đ.

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu hủy Quyết định 5781/QĐ-UBND ngày

05/10/2009 của UBND quận H15 về việc sửa đổi, bổ sung hình thức văn bản tại Quyết định 2414/QĐ-UBND ngày 18/12/2008 của UBND thành phố H20 do bà Hồ Thị M rút yêu cầu.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/01/2023 người khởi kiện bà Hồ Thị M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại H20 sau khi phân tích tài liệu có trong hồ sơ có ý kiến thể hiện: Tòa án sơ thẩm bác các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là đúng quy định. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía người khởi kiện không xuất trình được tài liệu mới bảo vệ cho quan điểm của mình nên không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Trong các ngày 08/8/2019 và 04/10/2019, bà Hồ Thị M có đơn khởi kiện và sửa đổi, bổ sung ngày 16/5/2022 đối với các quyết định hành chính trong đó có Quyết định 2603/QĐ-UBND ngày 18/6/2019 của Chủ tịch UBND quận H15 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính. Quá trình xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính hợp pháp đối với tất cả các quyết định hành chính khác có liên quan đến quyết định hành chính bị khởi kiện mà không phụ thuộc vào việc các quyết định này còn hay hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính là có căn cứ.

[1.2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện là UBND quận H15, Chủ tịch UBND quận H15; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Văn phòng C2 có đơn xin xét xử vắng mặt; Đối với người bị kiện là Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Bản án sơ thẩm xác định về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, về quyết định hành chính liên quan, về tư cách những người tham gia tố tụng trong vụ án đúng quy định pháp luật. Việc chứng minh, thu thập chứng cứ đã được thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định tại chương VI Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của người khởi kiện trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[3]. Xét kháng cáo của người khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá tính hợp pháp của các quyết định hành chính bị khiếu kiện, theo đó:

[3.1]. *Xét Quyết định 2414/QĐ-UBND ngày 18/12/2008 của UBND thành phố H20, tỉnh H21 (nay là quận H15, thành phố H20) sau được sửa đổi bổ sung hình thức văn bản tại Quyết định 5781/QĐ-UBND ngày 05/10/2009 của UBND quận H15 về việc thu hồi 75m² đất nông nghiệp của hộ ông Nguyễn Văn C (Mười):*

[3.1.1] Thực hiện việc thu hồi đất để thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu A - khu đất dịch vụ thôn D, xã Y, thành phố H, tỉnh H21. UBND tỉnh H ban hành Quyết định về việc phê duyệt phương án tổng thể bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án. Ngày 18/4/2008, UBND tỉnh H ban hành Quyết định 976/QĐ-UBND về việc thu hồi 63.738,2m² đất xã Y; tạm giao Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố H thực hiện bồi thường, hỗ trợ GPMB, lập dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật để giao đất cho các hộ dân bị thu hồi đất nông nghiệp theo quy định của Nghị định 17/2006/NĐ-CP ngày 27/01/2006 và Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ.

Ngày 03/7/2008, UBND tỉnh H ban hành Quyết định số 2014/QĐ- UBND về việc giao chính thức diện tích 63.738,2m² đất trên địa bàn xã Y cho UBND thành phố H20 để thực hiện dự án. Như vậy, việc UBND thành phố H20 nay là quận H15 ban hành quyết định thu hồi đất của các hộ dân nằm trong chỉ giới giải phóng mặt bằng thực hiện dự án trong đó có hộ gia đình bà Hồ Thị M là đúng quy định.

[3.1.2] Căn cứ Sổ Địa chính, Sơ đồ giao ruộng hiện đang lưu giữ tại UBND phường Y, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình bà Hồ Thị M, bản đồ địa chính thu hồi đất xác định thửa đất số 410 không có số tờ bản đồ có diện tích 75m² tại xứ đồng D20 10% là thửa đất số 249.2, tờ bản đồ số 6 bản trích đo bản đồ địa chính thu hồi đất Dự án khu đất dịch vụ thôn D trong Quyết định thu hồi đất 2014.

Quyết định 2414/QĐ-UBND ngày 18/12/2008 do Chủ tịch UBND thành phố H20 ban hành về việc thu hồi 75m² đất của hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn C (M) đã được giao, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 249.2, tờ bản đồ số 6 trích đo bản đồ địa chính thu hồi đất dự án thuộc xứ đồng % thôn D là chưa chính xác, cụ thể:

- Thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi đất là của UBND không phải của Chủ tịch UBND;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà M chỉ có số thửa mà không có số tờ bản đồ, quyết định thu hồi đất cần ghi số hiệu thửa đất theo giấy chứng nhận và theo bản đồ trích đo bản đồ địa chính thu hồi đất; việc chỉ ghi số hiệu thửa đất theo bản đồ địa chính sẽ dẫn đến việc gia đình bà M không biết bị thu hồi thửa đất nào trong giấy chứng nhận đã được cấp.

- Chồng bà M là ông Nguyễn Văn T3 có tên thường gọi là Nguyễn Văn C và trong bản đồ giải thửa chia ruộng số 5 khu Đống Dẹt thể hiện thửa đất được giao cho ông Nguyễn Văn C nhưng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình bà Hồ Thị M thì quyết định thu hồi đất nên ghi tên người bị thu hồi đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới chính xác.

Ngày 05/9/2009, UBND quận H15 đã có Quyết định 5781/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung Quyết định 2414/QĐ-UBND ngày 18/12/2008 với nội dung Chủ tịch UBND được thay bằng UBND; ký thay Chủ tịch nay bổ sung Thay mặt UBND. Như vậy, UBND quận H15 đã khắc phục sai sót về thẩm quyền ban hành quyết định mà không đính chính, bổ sung các nội dung như trên là chưa đầy đủ và rõ ràng. Tuy nhiên, các thiếu sót trên không làm thay đổi bản chất của sự việc, không thay đổi vị trí thửa đất và người có đất bị thu hồi. Tòa án cấp sơ thẩm đã yêu cầu UBND quận H15 cũng cần rút kinh nghiệm trong công tác giải phóng mặt bằng sau này.

[3.1.3] Tại Luật Đất đai năm 2003, Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ, Quyết định 289/2006/QĐ-UBND ngày 20/02/2006 của UBND tỉnh H, Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ không quy định phải thông báo thu hồi đất trước khi có quyết định thu hồi đất nên việc quận H15, thành phố H20 (trước đây là thành phố H, tỉnh H21) không ban hành thông báo thu hồi đất cho người bị thu hồi đất trong đó có hộ bà Hồ Thị M là không vi phạm pháp luật.

[3.1.4] Ngày 17/7/2008, Ban bồi thường GPMB thành phố H phối hợp với UBND xã Y tổ chức họp nhân dân thôn để phổ biến các văn bản về chính sách và dự án đất dịch vụ cho các hộ dân (khoảng 200 hộ) bị thu hồi đất nông nghiệp theo Nghị định 17/NĐ-CP và Nghị định 84/CP của Chính phủ nhưng hầu hết các ý kiến đều không đồng ý về việc thu hồi đất.

Sau khi xem xét hiện trạng tại thực địa, UBND xã Y đã ban hành Thông báo 44/TB-UBND ngày 18/7/2008 về việc kiểm đếm diện tích đất, công trình, vật kiến trúc, cây, hoa màu nằm trong quy hoạch GPMB để thực hiện dự án cho toàn bộ các hộ dân có đất bị thu hồi trong dự án vào ngày 21/7/2008. Tuy nhiên, UBND xã Y đã không ghi tên, địa chỉ của hộ gia đình bà M vào thông báo và không có tài liệu về việc không giao/gửi được thông báo này cho gia đình bà M do gia đình bà M không hợp tác là thiếu sót nhưng việc thu hồi đất không chỉ có

của gia đình bà M mà của gần 200 hộ dân trong thôn D và các hộ có đất xung quanh thửa đất của gia đình bà M cũng bị thu hồi nên không thể nói là gia đình bà M không biết gì.

Tại Biên bản ngày 21/7/2008 của Tổ công tác thể hiện không thể thực hiện kiểm đếm được do các hộ dân chống đối, không hợp tác, có nhiều lời nói, cử chỉ xúc phạm tổ công tác. Dự án thu hồi đất tại nhiều xứ đồng của thôn D nhưng hầu hết các hộ dân có đất bị thu hồi trong thôn đều không hợp tác kiểm đếm, chống đối lại việc thu hồi đất nên Tổ công tác lập biên bản các ngày 21/7/2008, 01/8/2008 và ngày 21/8/2008 đứng tại thực địa là xứ đồng Đổng N, C để lập 01 biên bản chung cho buổi làm việc tại các xứ đồng.

Do hầu hết các hộ gia đình có đất bị thu hồi trong đó có gia đình bà M không phối hợp tham gia kiểm đếm, Tổ công tác GPMB đã tiến hành kiểm đếm độc lập căn cứ trên số liệu, sổ sách quản lý của HTX nông nghiệp đối với các hộ không kiểm đếm được. Tổ công tác đã lập thành Biểu tổng hợp có xác nhận của HTXNN Do Lộ, UBND xã Y, Ban QLDA đầu tư xây dựng, Ban bồi thường GPMB, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố H và được niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã Y và HTXNN D trong thời gian 7 ngày theo Thông báo 17/TB-UBND ngày 26/9/2008 của Tổ công tác GPMB là đúng trình tự thu hồi đất theo quy định từ các Điều 49 đến Điều 55 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ và từ Bước 1 đến Bước 4 Điều 19 Quy định ban hành kèm theo Quyết định 289/2006/QĐ-UBND ngày 20/02/2006 của UBND tỉnh H.

[3.2]. *Xét Quyết định 2051/QĐ-UBND ngày 20/3/2009 của UBND thành phố H20 về việc phê duyệt dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ:*

[3.2.1] Trên cơ sở kết quả kiểm đếm, Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố H đã chủ trì xây dựng dự thảo phương án, dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB; tổ chức niêm yết công khai dự thảo phương án, dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ tại trụ sở UBND xã Y và HTXNN D. Kết thúc thời gian niêm yết, gia đình bà Hồ Thị M không có ý kiến gì về dự thảo phương án, dự toán kinh phí bồi thường đã niêm yết. Ngày 20/3/2009, UBND thành phố H20 ban hành Quyết định 9051/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB trong đó, hộ ông Nguyễn Văn C (M) được nhận tổng số tiền 20.220.000 đồng và niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã Y và văn phòng H5 từ ngày 23/3/2009 đến ngày 30/3/2009. Kết thúc thời gian niêm yết gia đình bà Hồ Thị M không có ý kiến gì về phương án, dự toán kinh phí bồi thường đã niêm yết. Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố H đã ban hành các Thông báo về địa điểm, thời gian nhận tiền bồi thường, hỗ trợ là đúng quy định.

[3.2.2] Ngày 06/7/2009, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố H đã ban hành Kế hoạch số 21/KH-HĐBT về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án Khu đất dịch vụ thôn D và có các thông báo gửi đến hộ ông

(bà) Nguyễn Văn C (M) về việc nhận tiền bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án nhưng gia đình bà M vẫn không đến nhận tiền.

[3.2.3] Theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật Đất đai 2003, mục 4.2 khoản 4 Phần 2 Thông tư 116/2004/TT-BTC và khoản 2 Điều 4 Nghị định 17/2006/NĐ-CP, tùy vào thực tế quỹ đất tại địa phương, nếu thu hồi đất nông nghiệp mà không có đất nông nghiệp cùng loại để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền tính theo giá đất nông nghiệp cùng hạng tại thời điểm có quyết định thu hồi đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố theo quy định của Chính phủ. Quyết định 2051/QĐ-UBND ngày 20/3/2009 của UBND thành phố H20 phê duyệt cho gia đình bà M được bồi thường 75m^2 đất với giá $201.600\text{đ}/\text{m}^2 = 15.200.000\text{đ}$ là có căn cứ.

[3.2.4] Tại Biên bản kết thúc niêm yết công khai ngày 06/10/2008 thể hiện toàn bộ diện tích đất vào quy hoạch hầu hết các hộ đều trồng lúa và rau muống; một số hộ đã xây dựng công trình trái phép và trồng chuối nhưng gia đình không hợp tác cho kiểm đếm; qua 03 lần kiểm đếm chỉ có 43 hộ ra kiểm đếm và ký vào biên bản và có một số hộ gia đình có sự thay đổi trong đó không có gia đình bà M. Tại tờ số 6 Bản đồ địa chính khu đất dịch vụ xã Y có xác nhận của UBND xã ngày 24/3/2008, của Phòng T ngày 25/3/2008, của Sở T ngày 01/4/2008 thể hiện diện tích đất gia đình bà M bị thu hồi có công trình trên đất.

Tuy nhiên theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 43 Luật Đất đai 2003, Điều 18 Nghị định 197/2004, khoản 1 Phần 3 Thông tư 116/2004/TT-BTC thì tài sản gắn liền với 75m^2 đất nông nghiệp (bao gồm nhà, công trình xây dựng, cây trồng trên đất) được tạo lập trái với mục đích sử dụng đất đã được xác định trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (là đất canh tác) hoặc tài sản gắn liền với diện tích gần 200m^2 đất lán, chiếm (nếu có thực) thì không được bồi thường.

[3.2.5] Quyết định 2051/QĐ-UBND ngày 20/3/2009 của UBND thành phố H20 phê duyệt cho gia đình bà M được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất $75\text{m}^2 \times 35.000\text{đ}/\text{m}^2 = 2.625.000\text{đ}$ và hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm $75\text{m}^2 \times 30.000\text{đ}/\text{m}^2 = 2.250.000\text{đ}$ là đúng.

[3.2.6] Quyết định 2051/QĐ-UBND ngày 20/3/2009 của UBND thành phố H20 quy định các hộ gia đình được bồi thường theo diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào quy hoạch; đối với diện tích đất tăng so với giấy chứng nhận và đối với đất nông nghiệp để lại không giao cho các hộ gia đình không thuộc quỹ đất công ích thì được bồi thường, hỗ trợ cho Hợp tác xã; việc sử dụng tiền bồi thường, hỗ trợ này do Đại hội xã viên quyết định.

Ngày 13/11/2008, HTX D tổ chức họp đại biểu xã viên về việc phương án phân phối tiền tái đầu tư sản xuất cho xã viên bằng nguồn tiền đất dôi dư các dự án và có lập biên bản cuộc họp. Tại dự án này, gia đình bà M sử dụng thực tế bị thu hồi là $115,5\text{m}^2$ tăng $40,5\text{m}^2$ so với diện tích bị thu hồi được cấp giấy chứng nhận. Theo phương án phân bổ chi trả cho các hộ theo khẩu được giao đất nông nghiệp hộ gia đình ông Nguyễn Văn C (Mười) có 04 khẩu được chi trả làm hai

đợt: Đợt 1 năm 2008 là 04 khẩu x 800.000 đồng/khẩu = 3.200.000 đồng và đợt 2 năm 2011 là 04 khẩu x 200.000 đồng/khẩu = 800.000 đồng.

[3.3]. Xét Quyết định 6791/QĐ-UBND ngày 24/10/2009 về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thực hiện Quyết định 2414/QĐ-UBND ngày 18/12/2008 và Quyết định sửa đổi bổ sung hình thức Văn bản số 5781/QĐ-UBND ngày 05/9/2009 của UBND quận H15:

[3.3.1] Ngày 08/10/2009, UBND phường Y lập Biên bản 17/BB- KCHQĐ về việc không chấp hành quyết định thu hồi đất của gia đình bà Hồ Thị M. Ngày 24/10/2009, UBND quận H15 ban hành Quyết định 6791/QĐ- UBND trong đó quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế thực hiện Quyết định 2414/QĐ-UBND ngày 18/12/2008 và Quyết định sửa đổi bổ sung hình thức Văn bản số 5781/QĐ-UBND ngày 05/9/2009 của UBND quận H15 đối với chủ sử dụng đất hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn C (M). UBND phường Y lập Biên bản về việc niêm yết các quyết định cưỡng chế thu hồi đất đối với 55 hộ để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án và Biên bản về việc bàn giao các quyết định cưỡng chế thu hồi đất; phối hợp với Mặt trận Tổ quốc tuyên truyền, vận động các hộ chưa nhận tiền bồi thường hỗ trợ. Ngày 31/12/2009, UBND quận H15 đã tổ chức thực hiện Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 6791/QĐ-UBND ngày 24/10/2009 của UBND quận H15 đối với ông (bà) Nguyễn Văn C (Mười).

[3.3.2] Bà M cho rằng gia đình bà sinh sống tại nhà đất ở tổ A, còn diện tích bị thu hồi là xứ đồng D20 ở tổ G nhưng Biên bản ngày 31/12/2009 tổ chức cưỡng chế tại địa chỉ nơi GPMB thửa đất số 249.2 thuộc xứ đồng % tổ dân phố số 1. HĐXX thấy: Trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi thửa 410 diện tích 75m² thuộc xứ đồng D20 10%, còn trong Bản đồ phục vụ giải phóng mặt bằng là thửa 249.2 thuộc xứ đồng % thì cũng đều là thửa đất nông nghiệp của gia đình bà M bị thu hồi; đất nông nghiệp dùng để canh tác thì thuộc các xứ đồng, không phải đất ở, đất kinh doanh dịch vụ nên không thể thuộc tổ dân phố nào được; chỉ sau khi bị thu hồi chuyển mục đích sử dụng thành đất dịch vụ thì thửa đất nông nghiệp bị thu hồi của gia đình bà M có thể là tổ 7; biên bản cưỡng chế thể hiện “thuộc xứ đồng %, tổ dân phố số 1” là không chính xác, nhưng không làm thay đổi bản chất sự việc.

[3.4]. Các quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường và cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch và UBND quận H15 đối với hộ gia đình bà M là đúng quy định của pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu hủy các quyết định này của bà M. Do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M về việc hủy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC239321 ngày 12/10/2015 và số CB781142 ngày 30/11/2015 do UBND quận H15 cấp cho ông Lê Hữu C1, bà Nguyễn Thị L1 và ông Lê Đình T5, bà Nguyễn Thị B; 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB781441 ngày 25/12/2015 và số CD759151 ngày 23/02/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H cấp cho ông Đặng Mạnh H2, bà Vũ Thị H3; 02 Giấy phép xây dựng số 2969/GPXD

ngày 29/10/2018 và số 3000/GPXD ngày 02/11/2018 do UBND quận H15 cấp cho ông Đặng Mạnh H2, bà Vũ Thu H4.

[3.5]. Xét Văn bản 1703/UBND-PTQĐ ngày 06/7/2018 của UBND quận H15 thông báo kết quả giải quyết đơn của bà M và Quyết định 2603/QĐ-UBND ngày 18/6/2019 của Chủ tịch UBND quận H15 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu, Hội đồng xét xử thấy:

Văn bản số 1703/UBND-PTQĐ ngày 06/7/2018 của UBND quận H15 và Quyết định 2603/QĐ-UBND ngày 18/6/2019 của Chủ tịch UBND quận H15 được ban hành đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền.

[3.5.1] Ngày 13/11/2017, UBND phường Y nhận được đơn phản ánh về việc có một số đối tượng lạ mặt lấn chiếm thửa đất nông nghiệp tại xứ đồng D20 của gia đình bà M nên đã có Văn bản 309/UBND-ĐCXD ngày 20/11/2017 trả lời, theo đó có căn cứ xác định gia đình bà M không chấp hành các quyết định thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất, cưỡng chế thu hồi đất mà còn tái lấn chiếm diện tích đất đã bị thu hồi sau khi bị cưỡng chế;

Quá trình thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ, tổ chức cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch và UBND quận H15 thể hiện bà M không chấp hành các quyết định hành chính, văn bản hành chính do UBND các cấp ban hành mà liên tục có đơn thư nhưng không khiếu nại các quyết định hành chính nên UBND quận H15 ban hành Văn bản 1703/UBND-PTQĐ ngày 06/7/2018 trả lời đơn thư là đúng.

[3.5.2] Ngày 02/6/2018, bà Hồ Thị M có Đơn khiếu nại khẩn cấp, ngày 16/7/2018 bà M tiếp tục có đơn khiếu nại nhưng cả 02 đơn đều có nội dung khiếu nại việc trả lời đơn thư của UBND quận H15, về hành vi không giải thích quyền và lợi ích của dân trong việc thu hồi, bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất nhưng không rõ là khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính nào. Căn cứ vào nội dung đơn xác định bà M khiếu nại đối với Văn bản 1703/UBND-PTQĐ ngày 06/7/2018; khiếu nại về việc thu hồi đất không đúng quy định của pháp luật; diện tích đất nông nghiệp của hộ gia đình bà M tại khu Đ bị thu hồi không phải 75m² mà là 200m².

Ngày 18/6/2019, Chủ tịch UBND quận H15 đã ban hành Quyết định 2603/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần đầu, quyết định việc khiếu nại của bà M là không có cơ sở.

Từ những phân tích, đánh giá, căn cứ nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M đối với các quyết định hành chính bị kiện là đúng quy định. Từ đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà M về việc bồi thường thiệt hại do các quyết định hành chính đó gây ra là phù hợp.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu hủy Quyết định 5781/QĐ-UBND ngày 05/10/2009 của UBND quận H15 về việc sửa đổi, bổ sung hình thức văn bản tại Quyết định 2414/QĐ-UBND ngày 18/12/2008 của UBND thành phố H20 do bà Hồ Thị M rút yêu cầu là có cơ sở.

[4]. Về án phí: Bà Hồ Thị M kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm nhưng bà M là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Từ nhận định trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Hồ Thị M; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2023/HC-ST ngày 17 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố H20.

2. Về án phí: Bà Hồ Thị M được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố H20;
- VKSND thành phố H20;
- Cục THADS thành phố H20;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Hà